

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 448/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-8-2020

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng giữa
chị B và anh H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Kim Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

Ông Đỗ Quang Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Phương Thảo – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý 335/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị B, sinh năm 1975; Nơi cư trú: số nhà 14 Ngõ Thì Nhậm, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1975; Nơi cư trú: số nhà 14 Ngõ Thì Nhậm, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(chị B, anh H vắng mặt có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 02-7-2020, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị và anh H chung sống đến khoảng tháng 5 năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và xúc phạm lẫn nhau. Nguyên nhân là do anh H có quan hệ ngoại tình, chị B đã cố gắng chịu đựng, chung sống hòa thuận vì các con nhưng càng chung sống thì mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Chị và anh H đã sống ly thân từ đầu tháng 6 năm 2020 đến nay, việc ai người đó làm, không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của chị, chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh H là vợ chồng.

Về con chung: Chị B xác nhận trong quá trình chung sống chị và anh H có ba con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 13-5-1992(giới tính Nữ), Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 19-01-1995(giới tính Nữ) và Nguyễn Văn Tuấn Đ, sinh ngày 13-01-1997 (giới tính: Nam). Hiện nay các con đều đã trưởng thành, tự lập nên chị B không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung: Chị B đề nghị chị và anh H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, do công việc rất bận nên chị B không thể tham gia phiên tòa nên có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Tại bản tự khai và Biên bản lấy lời khai ngày 28-7-2020, bị đơn là anh Nguyễn Ngọc H trình bày: Anh và chị B tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh và chị B chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm lối sống chị B nghi ngờ anh ngoại tình nên anh chị thường xảy ra xô xát, cãi vã. Anh H xác định tình cảm giữa anh và chị B không còn, chị B đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng, quan điểm của anh cũng đồng ý với yêu cầu của chị B.

Về con chung: anh H xác nhận anh và chị B có ba con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 13-5-1992(giới tính Nữ), Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 19-01-1995(giới tính Nữ) và Nguyễn Văn Tuấn Đ, sinh ngày 13-01-1997 (giới tính: Nam). Hiện nay các con đều đã trưởng thành, tự lập nên anh H không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H đề nghị anh và chị B tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh H trình bày vì lý do công việc nên có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại bản tự khai ngày 28-7-2020.

3. Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 07-8-2020 tại Ủy ban nhân dân phường L xác nhận từ khi chung sống từ năm 1991 đến nay, chị B và

anh H không đăng ký kết hôn theo qui định. Trong quá trình chung sống chị B và anh H có xảy ra bất đồng quan điểm, lối sống. Về con chung: Vợ chồng anh chị có ba con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 13-5-1992(giới tính Nữ), Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 19-01-1995(giới tính Nữ) và Nguyễn Văn Tuấn Đ, sinh ngày 13-01-1997 (giới tính: Nam). Hiện nay các con đều đã trưởng thành, tự lập

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá: Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Do giữa chị B và anh H không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống anh chị cũng không đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật. Do đó căn cứ áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử Không công nhận chị B và anh H là vợ chồng. Về con chung: Các con của anh chị đều đã trưởng thành tự lập, chị B và anh H không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị B và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án không công nhận quan hệ vợ chồng, bị đơn là anh Nguyễn Ngọc H, cư trú tại: số 14 Ngô Thì Nhậm, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định. Theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

[2] Việc chị B và anh H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn đã vi phạm điều cấm của pháp luật, thuộc trường hợp không được hòa giải theo khoản 2 Điều 206 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên toà, nguyên đơn là chị Phạm Thị B và bị đơn là anh Nguyễn Ngọc H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về hôn nhân: chị B và anh H đều xác nhận anh, chị tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. UBND phường L, thành phố Nam Định nơi anh, chị cư trú từ năm 1991 đến nay xác nhận chị B và anh H không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Xét thấy, chị B và anh H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Sau khi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực, theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội Khóa 10 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, chị B và anh H có nghĩa vụ phải đi đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm kể từ ngày Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực, tức là từ ngày 01-01-2001 đến 01-01-2003. Tuy nhiên, từ ngày 01-01-2001 đến nay, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng chị B và anh H vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định, vi phạm Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay, do mâu thuẫn giữa anh, chị nên chị B yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh H là vợ chồng. Xét thấy, yêu cầu của chị B là có căn cứ chấp nhận, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh H theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về nuôi con chung: Chị B và anh H có ba con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 13-5-1992 (giới tính Nữ), Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 19-01-1995 (giới tính Nữ) và Nguyễn Văn Tuấn Đ, sinh ngày 13-01-1997 (giới tính: Nam). Hiện nay các con đều đã trưởng thành, tự lập nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị B và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị B là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị B và anh Nguyễn Ngọc H.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị B đã nộp tại Biên lai số 0003080 ngày 14-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị B, anh Nguyễn Ngọc H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường L;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THA dân sự thành phố Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Thị Kim Huế

4.

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Kim Huế

